

Bản án số: 03/2019/HS-ST

Ngày: 28 - 02 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Lương.

2. Bà Lê Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá; Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2019/HSST ngày 02 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Sung Văn L, sinh năm 1978; Tên gọi khác: Sung Văn L B; Tại: PN, ML, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Bản XN, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Dân tộc: H'Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sung Xảy V và bà Hơ Thị T; Vợ: Va Thị M; Con: 05 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2018 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Sung Gia C, sinh năm 1999; Tại: ST, QS, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Bản XN, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Dân tộc: H'Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sung Văn L và bà Va Thị M; Vợ: Va Thị K; Con: Chưa; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2018 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa:

- Người bào chữa cho bị cáo L: Ông Nguyễn Ngọc Khang – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo C: Ông Hà Văn Khôi – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người phiên dịch:

- Ông Thao Văn D, sinh năm 1977;

Nơi công tác: Ủy ban nhân dân xã Na Mèo, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Đại diện theo pháp luật: Ông Lương Văn D, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ST. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

- Ông Chá Văn C, sinh năm 1970;

Trú tại: Bản XN, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng tháng 12 năm 2017, Sung Gia C sinh năm 1999 trú quán ở bản XN, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa muốn làm nhà để ở riêng, đã bàn bạc với bố đẻ của mình là ông Sung Văn L, sinh năm 1978 ở cùng nhà, cùng nhau vào khu vực rừng phòng hộ ở khoảnh 5, tiểu khu 143 thuộc địa bàn của bản XN, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa để khai thác gỗ về làm nhà cho Sung Gia C; Sung Gia C và Sung Văn L sau khi bàn bạc, thống nhất với nhau đã mang một cửa xăng xách tay, 01 con dao quắm và xăng vào rừng thực hiện việc khai thác gỗ trái phép, hai người dùng dao đi mở đường, thăm dò để tìm cây gỗ đã trưởng thành và đạt tiêu chuẩn để làm nhà. Sau khi thăm dò, Sung Văn L và Sung Gia C đã chọn được 06 cây gỗ rừng (thuộc nhóm III và IV) gồm: 01 Cây gỗ Re, 01 cây gỗ Vàng tâm và 04 cây gỗ Giỏi để khai thác; Lúc khai thác, Sung Văn L là người trực tiếp cầm cửa xăng để cửa hạ các cây gỗ, còn Sung Gia C do không biết dùng cửa nên chỉ dùng dao phụ giúp bố của mình tĩa, chặt các cành cây gỗ và phụ giúp việc xẻ gỗ, 06 cây gỗ trên Sung Văn L và Sung Gia C đã hạ đổ trong vòng hai ngày (không xác được định ngày cụ thể) trong tháng 12 năm 2017.

Sau khi hạ xong 06 cây, Sung Văn L đã dùng cửa xăng xẻ các cây thành các hộp gỗ, thanh gỗ phù hợp với việc làm nhà ngay tại chỗ đốn hạ cây để vận chuyển về nhà. Sung Văn L và Sung Gia C đã xẻ được 03 cây, gồm 01 cây gỗ Re và 02 cây gỗ Giỏi, còn lại 03 cây chưa xẻ; Do chưa có điều kiện để vận chuyển các cây gỗ khai thác trái phép trên nên Sung Văn L và Sung Gia C đã để cả 06 cây gỗ đã khai thác trái phép lại ở rừng, đợi khi có điều kiện sẽ vận chuyển về nhà để làm nhà. Tổng khối lượng gỗ bị khai thác được xác định là 21,994 m³ gỗ tròn, bao gồm các cây:

Cây số 01, có tọa độ: (x = 469652; y = 2255773), loại gỗ Re, thuộc nhóm IV, khối lượng khai thác là 3,528m³ gỗ tròn bị can Sung Văn L xẻ được 0,870m³ gỗ xẻ, phần còn lại không có giá trị sử dụng do bị dập, nát, mục ruột hoặc do khai thác không đúng quy cách.

Cây số 02, có tọa độ ($x = 469744$; $y = 2255858$), tên cây gỗ: Giỏi, thuộc nhóm III, khối lượng khai thác là $4,495\text{m}^3$ gỗ tròn bị can Sung Văn L xẻ được $1,181\text{m}^3$ gỗ xẻ, phần còn lại không có giá trị sử dụng do khai thác không đúng quy cách.

Cây số 03, có tọa độ ($x = 469783$; $y = 2255857$), tên cây gỗ: Giỏi, thuộc nhóm III, khối lượng khai thác là $3,110\text{m}^3$ gỗ tròn, còn nguyên tại rừng.

Cây số 04, có tọa độ ($x = 469895$; $y = 2255927$), tên cây gỗ: Giỏi, thuộc nhóm III, khối lượng khai thác là $2,170\text{m}^3$ bị can Sung Văn L xẻ được $0,260\text{m}^3$ gỗ xẻ, còn lại $0,394\text{m}^3$ gỗ tròn, phần còn lại không có giá trị sử dụng do một phần bị mục ruột và do khai thác không đúng quy cách.

Cây số 05, có tọa độ ($x = 470038$; $y = 2255843$), tên cây gỗ: Giỏi, thuộc nhóm III, khối lượng khai thác là $2,844\text{m}^3$ cây bị gãy dập, nứt, phần gỗ tròn còn sử dụng được là $1,422\text{m}^3$ còn lại tại hiện trường.

Cây số 06, có tọa độ ($x = 470038$; $y = 2255843$), tên cây gỗ: Vàng tâm, thuộc nhóm IV, khối lượng khai thác là $5,797\text{m}^3$ gỗ tròn còn nguyên tại hiện trường.

Khu vực rừng phòng hộ ở Lô 5, tiểu khu 143 là rừng phòng hộ tự nhiên, theo Quyết định số: 3230/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về “Phê duyệt quy hoạch ba loại rừng tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 – 2025”; Tại thời điểm tháng 12 năm 2017 khu vực rừng này do Ủy ban nhân dân xã ST, huyện QS quản lý, sau đó đã tạm giao cho Cộng đồng dân cư bản XN xã ST quản lý, trông coi. Đến khoảng tháng 02 năm 2018, ban quản lý bản XN lên rừng kiểm tra thì phát hiện việc có 06 cây gỗ nói trên thuộc khu vực rừng phòng hộ ở khoảnh 5, tiểu khu 143 mà cộng đồng dân cư bản XN mới được giao bị khai thác trái phép, nên đã báo cáo xuống Ủy ban nhân dân xã ST và tổ chức họp Cộng đồng dân cư bản XN thì các đối tượng Sung Văn L và Sung Gia C đứng ra nhận là mình đã khai thác 06 cây gỗ trên; Sau quá trình kiểm tra, xác minh vụ việc trên, các đối tượng Sung Văn L và Sung Gia C đã được đưa đến hiện trường và Sung Văn L đã xác nhận từng cây gỗ mà mình đã khai thác là 06 (sáu) cây. Hạt kiểm lâm huyện Quan Sơn đã khởi tố vụ án và chuyển vụ án cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Sơn giải quyết theo thẩm quyền. Sung Văn L và Sung Gia C đã thành khẩn khai báo về hành vi khai thác gỗ trái phép của mình.

Do khai thác không đúng quy cách, khi hạ cây đổ cây số 01 bị dập một phần, cây số 01 bị mục một phần, cây số 04 phần nhiều bị mục ruột, Sung Văn L khi xẻ các cây gỗ số 01, số 02 và số 04 chỉ thu được tổng cộng $2,311\text{m}^3$ gỗ xẻ để tại rừng, phần còn lại bị dập nát hoặc cắt nát thành các bìa gỗ không có giá trị sử dụng; Quá trình thu hồi vật chứng, để thuận tiện cho việc vận chuyển các cây gỗ từ rừng về khu vực dân cư của Cộng đồng dân cư bản XN, Hạt kiểm lâm huyện Quan Sơn đã tiến hành xẻ các cây gỗ số 03, số 05 và số 06 thu được $8,463\text{m}^3$ gỗ xẻ, tổng cộng thu hồi được $10,774\text{m}^3$ gỗ xẻ tạm giao cho Ủy ban nhân dân xã ST bảo quản tại khu dân cư của Cộng đồng dân cư bản XN. Quá trình điều tra, Sung Văn L và Sung Gia C đã giao nộp các vật chứng

gồm: 01 lưỡi cưa xăng và 01 con dao quắm là công cụ mà Sung Văn L và Sung Gia C đã dùng để thực hiện việc khai thác trái phép 06 (sáu) cây gỗ, riêng máy Cưa xăng mà Sung Văn L đã sử dụng để cưa hạ và xẻ các cây gỗ do bị hư hỏng nên Sung Văn L đã bán phế liệu được 3.000.000 (Ba triệu đồng) cho người không quen biết nên không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSQS ngày 30/12/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Sung Văn L, Sung Gia C về tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 175 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng: Điểm a khoản 1, điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 60 Bộ Luật hình sự năm 1999 đối với hai bị cáo. Xử phạt Sung Văn L từ 12 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng đến 36 tháng; Xử phạt Sung Gia C từ 18 tháng đến 21 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 tháng đến 42 tháng, Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 lưỡi Cưa, 01con dao quắm đã qua sử dụng, tịch thu sung quỹ nhà nước 10,774m³ gỗ đã thu giữ.

Người bào chữa cho các bị cáo đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Sung Văn L, Sung Gia C về tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo quy định tại Điểm a, khoản 1, Điều 175 Bộ luật Hình sự 1999. Người bào chữa đề nghị cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị và đề nghị áp dụng thêm tình tiết phạm tội do lạc hậu theo điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị Tòa án xem xét khi quyết định hình phạt, đề nghị xử phạt bị cáo mức án vừa đảm bảo tính răn đe và nghiêm minh của pháp luật vừa đảm bảo chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự Việt Nam, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, không phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, miễn phần án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo vì bị cáo thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Riêng người bào chữa cho bị cáo L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án bị cáo L từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo.

Đại diện nguyên đơn dân sự: Tại văn bản đề nghị ngày 04/11/2018 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/02/2019 đại diện Ủy ban nhân dân xã ST xác định 06 cây gỗ bị khai thác trái phép thuộc khu vực đất rừng phòng hộ trong địa giới hành chính xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa, được Ủy ban nhân dân huyện Quan Sơn giao trách nhiệm tổ chức trông coi, bảo vệ rừng và Ủy ban nhân dân xã ST giao cho bản XN tổ chức công tác bảo vệ; Ủy ban nhân dân xã ST với tư cách là chủ rừng đề nghị xử lý các đối tượng vi phạm theo quy định của pháp luật, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì đối với các thiệt hại mà các bị cáo đã gây ra đối với việc quản lý, trông coi rừng.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố, không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác; Khi nói lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên, Hạt trưởng hạt kiểm lâm trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi, căn cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Sung Văn L và Sung Gia C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi, vi phạm của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo với lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ được, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 12 năm 2017, Sung Văn L và Sung Gia C không có giấy phép khai thác gỗ, không được cấp có thẩm quyền cho phép nhưng đã lén lút lên rừng phòng hộ thuộc bản XN, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa, địa điểm khai thác thuộc khoảnh 5, tiểu khu 143 là rừng phòng hộ tự nhiên, do Ủy ban nhân dân xã ST quản lý, tổng số cây các bị cáo khai thác là 06 (sáu) cây gỗ có tổng khối lượng là: 21,944 m³ gỗ tròn, bao gồm 01 cây gỗ Re, 01 cây gỗ Vàng tâm và 04 cây gỗ Giỏi (loại gỗ thông thường thuộc nhóm III và nhóm IV theo quy định về phân loại nhóm gỗ tại Việt nam hiện nay). Số lượng gỗ các bị cáo khai thác trái phép vượt mức quy định xử lý vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của chính phủ và tiểu mục 1.1 mục 1 Phần IV thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007 của Bộ Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn, Bộ tư pháp, Bộ công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999.

Theo Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, Nghị quyết về việc thi hành bộ luật hình sự số 100/2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH13... kể từ ngày 01/01/2018 đã có hiệu lực thi hành, tại Điều 232 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” tại điểm d khoản 2: “*Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng tự nhiên từ 15 mét khối(m³) đến*

dưới 30 mét khối (m³) gỗ... thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000đ hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm” có khung hình phạt cao hơn khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999; Do đó theo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo cần áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử đối với các bị cáo.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng hành vi của các bị cáo: Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp đến chế độ quản lý khai thác và bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường của nhà nước, gây thiệt hại cho tài nguyên rừng và môi trường rừng, gây mất trật tự tại địa phương và là một trong những nguyên nhân gây ra hạn hán, lũ lụt. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm giáo dục riêng, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm có tính giản đơn, trong đó Sung Gia C là người có vai trò rủ dề, đề xuất việc khai thác gỗ về làm nhà; Sung Văn L là người cùng bàn bạc về việc khai thác gỗ, L là người thực hành tích cực nhất quyết định trong việc có cưa hạ gỗ được hay không, nên cần xem xét mức hình phạt ngang bằng nhau đối với các bị cáo là phù hợp với hành vi và tính chất của vụ án.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, theo điểm i, s khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015. Các bị cáo xuất thân trong gia đình làm nông nghiệp, sinh sống trong vùng kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn, xuất phát từ truyền thống của đồng bào dân tộc H'Mông là làm nhà bằng gỗ, với mục đích khai thác gỗ để làm nhà ở nên đã phạm tội; Các bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng, nên không cần thiết phải cách L khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần giao cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục và ấn định thời gian thử thách cũng đủ khả năng cải tạo các bị cáo. Hình phạt này vừa đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe, trừng trị, vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và chính sách nhân đạo của Nhà nước. Cần áp dụng điều 60 BLHS năm 1999 để cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đối với đề nghị áp dụng thêm tình tiết phạm tội do lạc hậu theo điểm m khoản 1 Điều 51 và tình tiết phạm tội do hoàn cảnh kinh tế khó khăn theo

khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 của người bào chữa cho các bị cáo; Thấy rằng các bị cáo sống tại nơi có điều kiện kinh tế khó khăn nhưng vẫn thường xuyên được các phương tiện truyền thông, chính quyền địa phương tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng; nên Hội đồng xét xử không chấp nhận tình tiết phạm tội do lạc hậu và phạm tội do hoàn cảnh khó khăn là hộ nghèo như đề nghị của Người bào chữa cho các bị cáo, không áp dụng tình tiết phạm tội do hoàn cảnh kinh tế khó khăn như đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền...*” do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy, các bị cáo làm ruộng có thu nhập thấp, thuộc hộ nghèo; Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

[6]. Về bồi thường thiệt hại: Các bị cáo khai thác gỗ trái phép gây thiệt hại đến tài nguyên của nhà nước, số gỗ khai thác trái phép đã kịp thời thu hồi, quản lý gây thiệt hại không lớn so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài của các bị cáo, đồng thời cơ quan quản lý không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì nên miễn xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: 01 lưỡi cưa và 01 con dao quắm là công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp. Số gỗ thu hồi được 10,774m³ cần tịch thu sung quỹ nhà nước; Số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền bị cáo L bán cưa Xăng, đây là tiền bán công cụ phương tiện phạm tội, nên buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này sung quỹ nhà nước là phù hợp.

[8]. Về án phí: Các bị cáo thuộc hộ nghèo, có đơn đề nghị miễn tiền án phí, nên miễn phần án phí hình sự cho cả hai bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Sung Văn L (Tên gọi khác: Sung Văn L B) và Sung Gia C phạm tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*”.

Áp dụng: Điểm a khoản 1, điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 60 Bộ Luật hình sự năm 1999 đối với hai bị cáo.

Xử phạt Sung Văn L 18 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Sung Gia C 18 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Sung Văn L, Sung Gia C cho Ủy ban nhân dân xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao có tổng chiều dài 60cm, bề rộng nhất 3,7cm, lưỡi dao màu đen đã qua sử dụng; 01 lưỡi cưa màu trắng bằng kim loại dài 97cm, bề rộng nhất 05cm (đặc điểm con dao và lưỡi cưa theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn ngày 30/12/2018).

Tịch thu sung quỹ nhà nước 10,774m³ gỗ, cụ thể: Gỗ xẻ Giổi nhóm 3: 60 thanh khối lượng 6,135 m³; Gỗ xẻ Vàng tâm nhóm 4: 17 thanh khối lượng 2,826 m³; Gỗ xẻ Re nhóm 4: 12 Thanh khối lượng 1,813m³. Hiện số gỗ này được Ủy ban nhân dân xã ST bảo quản tại bản XN, xã ST, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Buộc Sung Văn L phải nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền bán Cưa xăng nộp ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội, miễn phần án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quan Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Quan Sơn;
- Các bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Hoàng Văn Đạt